

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH GIÓT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1575/QĐ-SGDĐT ngày 14/11/2025 của Sở GD&ĐT về việc điều chỉnh dự toán, chi ngân sách năm 2025.

Xét đề nghị của Phụ trách Kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh số liệu dự toán thu, chi Ngân sách năm 2025 của trường THPT Phan Đình Giót (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Phụ trách Kế toán tổ chức thực hiện công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám hiệu, tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng, Đoàn Thanh niên và Phụ trách Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thành Luân

Đơn vị: Trường THPT Phan Đình Giót

Chương: 422

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 393/QĐ-THPT PDG ngày 27/ 11/2025 của Trường THPT Phan Đình Giót)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.409.988
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.409.988
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.409.988
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.975.001
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.434.987
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	